TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19 – 02 – 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đường
2. ÔngTạ Đình Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Toản – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 109/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST – HNGĐ ngày 24/01/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ánh T, sinh năm: 1988
HKTT: thôn Phước Phước Yên, xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
Chỗ ở hiện nay: thôn P, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước

* Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc H, sinh năm: 1980
HKTT: khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
Chỗ ở hiện nay: thôn P, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Hoàng Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2012, tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Quá trình

chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Hoàng Ngọc H ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông H có hai người con chung họ tên: Hoàng Gia H1, sinh ngày 15/3/2013 và Hoàng Gia H2, sinh ngày 13/9/2015. Hiện tại hai con đang ở với bà, được chăm sóc và đi học đầy đủ. Còn ông H hiện tại không có thu nhập, không có việc làm và không quan tâm, chăm sóc các con. Do vậy khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung; nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Ngọc H trình bày tại bản lấy lời khai:

Ông và bà Trần Thị Ánh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm năm 2012, tại ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Ông thừa nhận tình trạng hôn nhân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như bà T trình bày là đúng. Bà T không tôn trọng ông. Do đó với yêu cầu ly hôn của bà T ông đồng ý. Tuy nhiên ông theo đạo Thiên chúa nên ông không đồng ý thuận tình ly hôn

Về con chung: ông thống nhất vợ chồng có hai người con chung là Hoàng Gia H1, sinh ngày 15/3/2013 và Hoàng Gia H2, sinh ngày 13/9/2015. Khi ly hôn ông đồng ý giao hai con chung cho bà T nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do hay sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Hoàng Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh T và ông Hoàng Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước ngày 09/3/2012. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp.

Bà T và ông H đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là từ việc vợ chồng không yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa bà T và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Ánh T là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị Ánh T và ông Hoàng Ngọc H có hai con chung, họ tên Hoàng Gia H1, sinh ngày 15/3/2013 và Hoàng Gia H2, sinh ngày 13/9/2015. Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông H không có tranh chấp về con chung và đều có ý kiến để bà T là người trực tiếp nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp vì hiện tại ông H không có công việc, sức khỏe yếu, không có thu nhập. Đồng thời việc giao con này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 và H2 mong muốn được ở với mẹ T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Bà T và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh T được ly hôn với ông Hoàng Ngọc H.

2.Về con chung: Giao hai con chung tên: Hoàng Gia H1, sinh ngày 15/3/2013 và Hoàng Gia H2, sinh ngày 13/9/2015 cho bà Trần Thị Ánh T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H1 và H2 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Hoàng Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: bà Trần Thị Ánh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003229 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Hoàng Ngọc H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
-UBND Phường Phước Bình;
(số 19/2012, ngày 09/3/2012);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh